

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 - 34

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Khái quát về Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước Phú Yên theo Quyết định số 69/KH – UBND ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Phú Yên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3604000018, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 3 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 4400115690 ngày 15 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 9 năm 2014 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh nhà máy nước.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 9 năm 2015 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 11 năm 2015 về việc chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
- Điện thoại : 057.3827030 – 3824202
- Fax : 057.3828388

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp Tư vấn và Xây lắp	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 1	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 2	Số 33 Lê Thành Phương, Phường Xuân Yên, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 3	Số 86 Ngô Quyền, Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch (mã ngành 3600);
- Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát nguồn nước ngầm phục vụ cho các công trình cấp nước; thiết kế các công trình cấp, thoát nước; theo dõi, giám sát thi công các công trình cấp thoát nước; lập dự án đầu tư các công trình cấp thoát nước (mã ngành 7110);
- Xây dựng công trình đường ống cấp, thoát nước (mã ngành 4290);
- Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 4663);



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất bê tông đúc sẵn, bao gồm: ống cống, gối đỡ cống, tấm đan (mã ngành 2395);
- Gia công phụ kiện chuyên ngành nước như BB, BU, côn, cút, tê (mã ngành 2599);
- Sản xuất cát, sỏi lọc nước (mã ngành 2399);
- Sản xuất ron cao su các loại, gia công phụ kiện các loại chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 2013);
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị) <mã ngành 3700>.

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Phú Liệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2016
Ông Lê Xuân Triết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Phan Trọng Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Đỗ Hoàng Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2016
Bà Đặng Thị Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2016

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Bà Nguyễn Thế Thanh Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2016

### Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Triết	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Tấn Thuận	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Phú Liệu	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Phan Trọng Thư	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Bà Trần Thị Lục Hà	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Xuân Triết - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015).

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;

00448  
CÔNG  
H NHIỆM  
TOÁN V  
A &  
VH-T.P



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban giám đốc,



**Lê Xuân Triết**  
Giám đốc

Ngày 31 tháng 7 năm 2017





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,  
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 0857/2017/BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 7 năm 2017, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Văn Kiên**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>71.131.208.354</b>	<b>62.874.082.969</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>40.456.223.779</b>	<b>49.115.441.926</b>
1. Tiền	111		6.656.223.779	5.615.441.926
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.800.000.000	43.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>22.700.000.000</b>	<b>5.700.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	22.700.000.000	5.700.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.805.879.652</b>	<b>5.040.616.156</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.974.964.667	4.082.187.714
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	643.351.161	182.251.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.187.563.824	776.177.042
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.130.999.948</b>	<b>2.773.054.086</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	3.130.999.948	2.773.054.086
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>38.104.975</b>	<b>244.970.801</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	38.104.975	244.970.801
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>326.799.942.860</b>	<b>337.424.517.262</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>318.536.592.089</b>	<b>328.932.764.344</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	318.081.041.060	328.426.982.641
- Nguyên giá	222		532.547.032.786	532.881.702.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(214.465.991.726)	(204.454.720.177)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	455.551.029	505.781.703
- Nguyên giá	228		765.886.636	765.886.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(310.335.607)	(260.104.933)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.475.858.304</b>	<b>3.003.306.106</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	3.475.858.304	3.003.306.106
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.787.492.467</b>	<b>5.488.446.812</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.733.804.936	5.334.989.281
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.11	53.687.531	153.457.531
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>397.931.151.214</b>	<b>400.298.600.231</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>149.107.336.970</b>	<b>157.400.596.591</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24.495.208.992</b>	<b>26.123.271.441</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.620.124.653	2.099.265.559
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	74.093.300	1.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.446.931.228	1.247.314.891
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1.482.092.446	4.194.362.601
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.652.539.925	1.383.611.624
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.733.929.273	3.628.649.599
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	13.330.394.344	13.330.394.344
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	155.103.823	238.672.823
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>124.612.127.978</b>	<b>131.277.325.150</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	124.612.127.978	131.277.325.150
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>248.823.814.244</b>	<b>242.898.003.640</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>248.823.814.244</b>	<b>242.898.003.640</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	236.000.000.000	236.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.000.000.000	236.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	363.052.823	363.052.823
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	12.460.761.421	6.534.950.817
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.534.950.817	6.534.950.817
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.925.810.604	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>397.931.151.214</b>	<b>400.298.600.231</b>

  
 Nguyễn Thị Xuân Tựu  
 Người lập

  
 Trần Thị Lục Hà  
 Kế toán trưởng

Phú Yên, ngày 18 tháng 07 năm 2017  
  
  
 Lê Xuân Triết  
 Giám đốc

  
 HẠNG VĂN  
 CHỊ MINH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	43.140.065.807	44.276.667.100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		43.140.065.807	44.276.667.100
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	17.197.482.088	21.011.457.951
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.942.583.719	23.265.209.149
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.385.170.233	1.529.104.333
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.320.190.824	6.116.053.000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.320.190.824	6.116.053.000
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	10.890.878.766	13.129.876.285
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.958.771.242	4.470.577.869
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.157.913.120	1.077.806.328
11. Thu nhập khác	31	VI.7	269.257.151	71.812.555
12. Chi phí khác	32	VI.8	37.241.944	510.999
13. Lợi nhuận khác	40		232.015.207	71.301.556
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.389.928.327	1.149.107.884
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.464.117.723	240.350.211
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.925.810.604</u>	<u>908.757.673</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>251</u>	<u>39</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>251</u>	<u>39</u>

Phú Yên, ngày 18 tháng 07 năm 2017

  
 Nguyễn Thị Xuân Tụ  
 Người lập

  
 Trần Thị Lục Hà  
 Kế toán trưởng



  
 Lê Xuân Triết  
 Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.389.928.327	1.149.107.884
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	10.297.883.372	12.621.596.469
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7	(1.382.934.911)	(1.490.923.695)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.320.190.824	6.116.053.000
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.625.067.612	18.395.833.658
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		415.145.797	8.395.737.766
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(258.175.862)	(216.973.023)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.716.760.704)	(5.440.641.547)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		808.050.171	1.254.519.603
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.382.168.322)	(8.895.901.070)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	VI.14	(1.237.764.941)	(1.050.070.203)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		13.541.971	2.300.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(89.219.000)	(507.958.859)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14.177.716.722</b>	<b>11.936.846.325</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 10	(472.882.166)	(6.140.939.656)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		104.776.136	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.200.000.000)	(14.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.200.000.000	7.900.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.196.368.333	1.550.382.223
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(16.171.737.697)</b>	<b>(11.290.557.433)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(6.665.197.172)	(11.624.059.603)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<u>(6.665.197.172)</u>	<u>(11.624.059.603)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.659.218.147)	(10.977.770.711)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		49.115.441.926	128.994.164.749
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<u><u>40.456.223.779</u></u>	<u><u>118.016.394.038</u></u>

  
Nguyễn Thị Xuân Tụ  
Người lập

  
Trần Thị Lục Hà  
Kế toán trưởng

Phú Yên, ngày 18 tháng 07 năm 2017

  
Lê Xuân Triết  
Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác và cung cấp nước sạch, dịch vụ, xây lắp.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch (mã ngành 3600);
- Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát nguồn nước ngầm phục vụ cho các công trình cấp nước; thiết kế các công trình cấp, thoát nước; theo dõi, giám sát thi công các công trình cấp thoát nước; lập dự án đầu tư các công trình cấp thoát nước (mã ngành 7110);
- Xây dựng công trình đường ống cấp, thoát nước (mã ngành 4290);
- Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 4663);
- Sản xuất bê tông đúc sẵn, bao gồm: ống cống, gổỉ đỡ cống, tấm đan (mã ngành 2395);
- Gia công phụ kiện chuyên ngành nước như BB, BU, côn, cút, tê (mã ngành 2599);
- Sản xuất cát, sỏi lọc nước (mã ngành 2399);
- Sản xuất ron cao su các loại, gia công phụ kiện các loại chuyên ngành cấp thoát nước (mã ngành 2013);
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị) <mã ngành 3700>.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Theo quyết định số 468/QĐ-SGDHN ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với những nội dung sau :

- Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán : PWS
- Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch : 23.600.000 cổ phiếu
- Giá trị chứng khoán giao dịch : 236.000.000.000 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Cấu trúc Công ty

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp Tư vấn và Xây lắp	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 1	Số 07 đường Hải Dương, Thôn Ngọc Phước, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 2	Số 33 Lê Thành Phương, Phường Xuân Yên, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Phú Yên – Xí nghiệp cấp nước số 3	Số 86 Ngô Quyền, Thị trấn Hai Riêng, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước không so sánh được với số liệu của kỳ này do số liệu kỳ trước là số liệu từ ngày 10/11/2015 đến ngày 30/06/2016 (năm tài chính 2016 bắt đầu từ ngày 10/11/2015 đến ngày 31/12/2016 là năm tài chính đầu tiên của Công ty hoạt động theo hình thức cổ phần), số liệu kỳ này là số liệu từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 204 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 212 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính/bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thay thế đầu nối, giấy phép quyền khai thác nước và lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### *Chi phí thay thế đầu nối*

Chi phí thay thế đầu nối được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

#### *Giấy phép quyền khai thác nước*

Chi phí cấp phép quyền khai thác nước phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời hạn hiệu lực được cấp phép.

#### *Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định khác	05

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 05 năm.

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 11. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## 14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

## 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.





## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

#### 20. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	37.077.078	7.967.846
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	6.619.146.701	5.607.474.080
Các khoản tương đương tiền	33.800.000.000	43.500.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	33.800.000.000	43.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>40.456.223.779</u></b>	<b><u>49.115.441.926</u></b>

- (\*) Tiền gửi ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên là 3.132.993.903 VND (số đầu năm là 3.125.101.932 VND) bị phong tỏa để đảm bảo cho các khoản phải trả về cổ phần hóa cho Nhà nước.

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>2.974.964.667</b>	<b>4.082.187.714</b>
Phải thu khách hàng sử dụng nước sạch	1.278.965.131	1.098.715.178
Ban quản lý các Công trình đầu tư và Xây dựng cơ bản huyện Tuy An	926.429.000	926.429.000
Công An tỉnh Phú Yên	52.297.000	522.965.000
Phòng Quản lý đô thị TP. Tuy Hòa - UBND thành phố Tuy Hòa	-	318.640.000
Các khách hàng khác	717.273.536	1.215.438.536
<b>Cộng</b>	<b><u>2.974.964.667</u></b>	<b><u>4.082.187.714</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>643.351.161</b>	<b>182.251.400</b>
Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng WATECH	157.000.000	87.000.000
Công ty TNHH 522	17.620.000	40.600.000
Công ty TNHH Xây dựng Ân Khoa	405.323.575	-
Các nhà cung cấp khác	63.407.586	54.651.400
<b>Cộng</b>	<b>643.351.161</b>	<b>182.251.400</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>1.187.563.824</b>	-	<b>776.177.042</b>	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	543.110.758	-	362.701.465	-
Tạm ứng	357.731.882	-	162.758.795	-
Phải thu các trạm cấp nước	260.801.839	-	234.958.422	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	25.919.345	-	15.758.360	-
<b>Cộng</b>	<b>1.187.563.824</b>	-	<b>776.177.042</b>	-

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.120.328.821	-	2.533.808.888	-
Công cụ, dụng cụ	50.264.414	-	111.939.414	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	958.769.249	-	127.002.407	-
Thành phẩm	1.637.464	-	303.377	-
<b>Cộng</b>	<b>3.130.999.948</b>	-	<b>2.773.054.086</b>	-

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất	3.554.641	12.678.668
Chi phí bảo hiểm	18.771.105	48.781.515
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	15.779.229	183.510.618
<b>Cộng</b>	<b>38.104.975</b>	<b>244.970.801</b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất	775.790.587	917.242.641
Lợi thế kinh doanh	213.536.866	291.978.976
Chi phí thay thế đầu nổi	2.895.622.850	3.152.602.955
Giấy phép khai thác nước	407.569.367	392.312.751
Các chi phí trả trước dài hạn khác	441.285.266	580.851.958
<b>Cộng</b>	<b>4.733.804.936</b>	<b>5.334.989.281</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	115.301.394.057	43.861.460.240	373.057.604.885	624.784.545	36.459.091	532.881.702.818
Phân loại lại tài sản	(224.655.996)	224.655.996	-	-	-	-
Điều chỉnh theo quyết toán	329.968	-	-	-	-	329.968
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(335.000.000)	-	-	(335.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>115.077.068.029</b>	<b>44.086.116.236</b>	<b>372.722.604.885</b>	<b>624.784.545</b>	<b>36.459.091</b>	<b>532.547.032.786</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	324.240.273	3.176.281.331	-	36.181.818	36.459.091	3.573.162.513
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	49.290.968.748	19.405.751.217	135.439.291.600	284.236.761	34.471.851	204.454.720.177
Khấu hao trong kỳ	2.510.909.341	1.425.425.638	6.270.425.396	38.905.083	1.987.240	10.247.652.698
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(236.381.149)	-	-	(236.381.149)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>51.801.878.089</b>	<b>20.831.176.855</b>	<b>141.473.335.847</b>	<b>323.141.844</b>	<b>36.459.091</b>	<b>214.465.991.726</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	66.010.425.309	24.455.709.023	237.618.313.285	340.547.784	1.987.240	328.426.982.641
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>63.275.189.940</b>	<b>23.254.939.381</b>	<b>231.249.269.038</b>	<b>301.642.701</b>	<b>-</b>	<b>318.081.041.060</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

#### 9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	309.000.000	456.886.636	765.886.636
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>309.000.000</b>	<b>456.886.636</b>	<b>765.886.636</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	66.876.238	66.876.238
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	131.315.380	128.789.553	260.104.933
Khấu hao trong kỳ	30.665.994	19.564.680	50.230.674
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>161.981.374</b>	<b>148.354.233</b>	<b>310.335.607</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	177.684.620	328.097.083	505.781.703
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>147.018.626</b>	<b>308.532.403</b>	<b>455.551.029</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Chi phí phát sinh		
	Số đầu năm	trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	3.003.306.106	472.552.198	3.475.858.304
- Công trình di dời HTCN thuộc dự án mở rộng Quốc lộ 1A (*)	2.912.908.493	710.532	2.913.619.025
- Các công trình khác	90.397.613	471.841.666	562.239.279
<b>Cộng</b>	<b>3.003.306.106</b>	<b>472.552.198</b>	<b>3.475.858.304</b>

(\*) Về kinh phí di dời hệ thống cấp nước để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án Mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua địa phận tỉnh Phú Yên đã sử dụng vốn của Công ty để thực hiện tính đến 30/06/2017 là 2.913.619.025 VND, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo xin vốn hoàn trả cho Công ty theo Thông báo 732/TB-UBND ngày 09/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

**11. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Giá trị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn còn tồn kho cuối kỳ.

**12. Phải trả người bán ngắn hạn****12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>1.620.124.653</i>	<i>2.099.265.559</i>
Công ty Cổ phần xây dựng Cấp thoát nước số 12	572.440.555	572.440.555
Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	335.550.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Ân Khoa	-	474.389.579
Các nhà cung cấp khác	712.134.098	1.052.435.425
<b>Cộng</b>	<b>1.620.124.653</b>	<b>2.099.265.559</b>

**12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>74.093.300</i>	<i>1.000.000</i>
Khách hàng lắp đặt đồng hồ	23.438.500	1.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy sản Tập đoàn biển	50.654.800	-
<b>Cộng</b>	<b>74.093.300</b>	<b>1.000.000</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	354.603.010	1.465.713.709	(1.523.113.515)	297.203.204
Thuế thu nhập doanh nghiệp	614.867.209	1.464.117.723	(1.237.764.941)	841.219.991
Thuế thu nhập cá nhân	8.187.217	44.720.337	(52.907.554)	-
Thuế tài nguyên	197.634.595	1.073.893.233	(1.048.071.145)	223.456.683
Các loại thuế khác	-	7.000.000	(7.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	72.022.860	461.521.415	(448.492.925)	85.051.350
<b>Cộng</b>	<b>1.247.314.891</b>	<b>4.516.966.417</b>	<b>(4.317.350.080)</b>	<b>1.446.931.228</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Khai thác và cung cấp nước sạch	5%
Xây lắp, tư vấn, thiết kế	10%
Bán vật tư	10%

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất 20% từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và thuế suất 22% cho giai đoạn từ ngày 11/11/2015 đến ngày 31/12/2015).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.389.928.327	1.149.107.884
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	36.615.200	27.074.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(105.954.914)	-
Thu nhập chịu thuế	7.320.588.613	1.176.181.884
Thu nhập tính thuế	7.320.588.613	1.176.181.884
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất 20%</b>	<b>1.464.117.723</b>	<b>235.236.377</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do chênh lệch thuế suất</b>	<b>-</b>	<b>5.113.834</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1.464.117.723</b>	<b>240.350.211</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên để sản xuất nước sạch với mức thuế suất như sau:

	Giá tính thuế (VND/m <sup>3</sup> )	Thuế suất
Nước mặt	3.000	1%
Nước ngầm	6.000	5%

### Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế.

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 15. Phải trả người lao động

Quỹ lương còn phải trả cho người lao động và người quản lý.

### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.652.539.925</i>	<i>1.383.611.624</i>
Chi phí lãi vay	793.302.040	855.279.538
Chi phí bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên	1.271.372.000	359.511.286
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	587.865.885	168.820.800
<b>Cộng</b>	<b><u>2.652.539.925</u></b>	<b><u>1.383.611.624</u></b>

### 17. Phải trả ngắn hạn khác

#### 17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.733.929.273</i>	<i>3.628.649.599</i>
Kinh phí công đoàn	108.693.536	91.649.536
Phải trả về cổ phần hóa	3.260.103.457	3.252.211.486
Nợ khó đòi thu hồi được phải nộp về ngân sách tỉnh	1.118.000	5.144.900
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	364.014.280	279.643.677
<b>Cộng</b>	<b><u>3.733.929.273</u></b>	<b><u>3.628.649.599</u></b>

#### 17b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### 18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

#### 18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả tổ chức khác</i>	<i>13.330.394.344</i>	<i>13.330.394.344</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	13.330.394.344	13.330.394.344
<b>Cộng</b>	<b><u>13.330.394.344</u></b>	<b><u>13.330.394.344</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	VND
Số đầu năm	13.330.394.344
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	6.665.197.172
Số tiền vay đã trả	(6.665.197.172)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>13.330.394.344</u></b>

#### 18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>124.612.127.978</i>	<i>131.277.325.150</i>
Vay dài hạn ngân hàng	124.612.127.978	131.277.325.150
<i>Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên</i>	<i>124.612.127.978</i>	<i>131.277.325.150</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>124.612.127.978</u></b>	<b><u>131.277.325.150</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên theo các Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty như sau:

- Hiệp định vay vốn AFD ngày 02/4/2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên với tổng mức vốn vay là 2.379.000 EUR nhằm mục đích đầu tư về “Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn lần thứ ba - ADB”, thời hạn cho vay 22 năm trong đó có 6 năm ân hạn gốc và lãi, lãi suất cho vay là 5,8%/năm, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm, lãi phạt chậm trả là 8,8%/năm, lãi phát sinh trong thời gian ân hạn sẽ được gốc hóa. Nợ gốc được trả thành 26 kỳ bán niên, 6 tháng một lần vào các ngày 01/6 và 01/12 hàng năm. Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên của dự án là 31/10/2011. Phí cho vay lại bắt đầu trả từ khi có dư nợ vay.
- Hiệp định vay vốn ADB ngày 26/7/2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên với tổng mức vốn vay là 10.743.000 USD nhằm mục đích đầu tư về “Dự án thứ ba Cấp nước vệ sinh cho các thị xã, thị trấn ADB-TA No3323-VIE, tỉnh Phú Yên”, thời hạn cho vay 22 năm trong đó có 6 năm ân hạn gốc và lãi, lãi suất cho vay là 5,8%/năm, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm, lãi phạt chậm trả là 8,8%/năm, lãi phát sinh trong thời gian ân hạn sẽ được gốc hóa. Nợ gốc được trả thành 32 kỳ bán niên, 6 tháng một lần vào các ngày 30/4 và 31/10 hàng năm. Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên của dự án là 31/10/2008. Phí cho vay lại bắt đầu trả từ khi có dư nợ vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	13.330.394.344	13.330.394.344
Trên 1 năm đến 5 năm	53.321.577.376	53.321.577.376
Trên 5 năm	71.290.550.602	77.955.747.774
<b>Cộng</b>	<b><u>137.942.522.322</u></b>	<b><u>144.607.719.494</u></b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng như sau:

Số đầu năm	131.277.325.150
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(6.665.197.172)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>124.612.127.978</u></b>

### 18c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nhận tiền khen thưởng theo các quyết định</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	182.526.411	4.920.000	(73.689.000)	113.757.411
Quỹ phúc lợi	56.146.412	730.000	(15.530.000)	41.346.412
<b>Cộng</b>	<b><u>238.672.823</u></b>	<b><u>5.650.000</u></b>	<b><u>(89.219.000)</u></b>	<b><u>155.103.823</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	236.000.000.000	-	-	236.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	908.757.673	908.757.673
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(118.825.000)	(118.825.000)
Số dư cuối kỳ trước	<u>236.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>789.932.673</u>	<u>236.789.932.673</u>
Số dư đầu năm nay	236.000.000.000	363.052.823	6.534.950.817	242.898.003.640
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	5.925.810.604	5.925.810.604
Số dư cuối kỳ này	<u>236.000.000.000</u>	<u>363.052.823</u>	<u>12.460.761.421</u>	<u>248.823.814.244</u>

#### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	147.406.000.000	147.406.000.000
Công ty Cổ phần Nước Aqua One	82.600.000.000	82.600.000.000
Các cổ đông khác	5.994.000.000	5.994.000.000
Cộng	<u>236.000.000.000</u>	<u>236.000.000.000</u>

#### 20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.600.000	23.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.600.000	23.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.600.000	23.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.600.000	23.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.600.000	23.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	23.600.000	23.600.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### 21a. Tài sản nhận giữ hộ

Công ty nhận giữ hộ tài sản của Ủy Ban Nhân dân thành phố Tuy Hòa là hệ thống xử lý nước thải thành phố Tuy Hòa (bao gồm cả xe ô tô tải Mitsubishi và xe hút chất thải Hino) số tiền 147.621.646.938 VND.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	202.510.149	479.648.343
Doanh thu cung cấp nước sạch	42.357.990.380	41.243.665.915
Doanh thu cung cấp dịch vụ	314.832.910	1.069.262.849
Doanh thu hợp đồng xây dựng (i)	264.732.368	1.484.089.993
<b>Cộng</b>	<b>43.140.065.807</b>	<b>44.276.667.100</b>

(i) Doanh thu hợp đồng xây dựng ghi nhận trong kỳ là của các công trình xây dựng đã hoàn thành.

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	177.761.081	377.003.024
Giá vốn cung cấp nước sạch	16.846.810.084	19.031.877.932
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	73.275.797	521.629.977
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	99.635.126	1.080.947.018
<b>Cộng</b>	<b>17.197.482.088</b>	<b>21.011.457.951</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.376.777.626	1.490.923.695
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.392.607	38.180.638
<b>Cộng</b>	<b>1.385.170.233</b>	<b>1.529.104.333</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.320.190.824	6.116.053.000
<b>Cộng</b>	<b>4.320.190.824</b>	<b>6.116.053.000</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.492.424.314	2.957.212.623
Chi phí vật liệu, bao bì	2.106.666.368	2.610.823.978
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.847.206	31.860.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.806.185.336	7.320.239.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	447.647.751	202.136.117
Các chi phí khác	28.107.791	7.603.340
<b>Cộng</b>	<b>10.890.878.766</b>	<b>13.129.876.285</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.956.167.700	2.994.781.617
Chi phí vật liệu quản lý	233.003.634	85.995.901
Chi phí đồ dùng văn phòng	186.135.363	294.329.401
Chi phí khấu hao tài sản cố định	269.196.443	356.606.408
Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	23.983.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	833.000.444	254.588.288
Các chi phí khác	474.267.658	460.293.122
<b>Cộng</b>	<b>4.958.771.242</b>	<b>4.470.577.869</b>

### 7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	6.157.285	-
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	195.454.545	-
Thu từ cho thuê mặt bằng	16.363.636	32.909.090
Thu nhập khác	51.281.685	38.903.465
<b>Cộng</b>	<b>269.257.151</b>	<b>71.812.555</b>

### 8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính	5.000.000	-
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	32.183.550	-
Các chi phí khác	58.394	510.999
<b>Cộng</b>	<b>37.241.944</b>	<b>510.999</b>

### 9. Lãi trên cổ phiếu

#### 9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.925.810.604	908.757.673
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	5.925.810.604	908.757.673
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	23.600.000	23.600.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>251</b>	<b>39</b>

#### 9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.910.246.030	10.297.789.519
Chi phí nhân công	11.009.127.918	12.143.784.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.297.883.372	12.621.596.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.799.488.798	2.085.683.737
Chi phí khác	1.725.288.115	1.710.139.577
<b>Cộng</b>	<b>33.742.034.233</b>	<b>38.858.993.745</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ tiền lương	1.076.518.999	675.284.079
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	45.600.000	121.225.000
Các khoản tiền thưởng, phúc lợi khác	2.289.000	4.495.000
<b>Cộng</b>	<b>1.124.407.999</b>	<b>801.004.079</b>

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

##### **Bên liên quan khác**

Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên  
Công ty Cổ phần Nước Aqua One

##### **Mối quan hệ**

Cổ đông góp 62,46% vốn điều lệ  
Cổ đông góp 35% vốn điều lệ

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực khai thác và cung cấp nước sạch, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng doanh thu không đáng kể và trong một khu vực địa lý là địa bàn tỉnh Phú Yên.

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### 3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

#### 3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả người bán	1.620.124.653	-	-	1.620.124.653
Vay và nợ	13.330.394.344	53.321.577.376	71.290.550.602	137.942.522.322
Các khoản phải trả khác	6.277.775.662	-	-	6.277.775.662
<b>Cộng</b>	<b>21.228.294.659</b>	<b>53.321.577.376</b>	<b>71.290.550.602</b>	<b>145.840.422.637</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	2.099.265.559	-	-	2.099.265.559
Vay và nợ	13.330.394.344	53.321.577.376	77.955.747.774	144.607.719.494
Các khoản phải trả khác	4.920.611.687	-	-	4.920.611.687
<b>Cộng</b>	<b>20.350.271.590</b>	<b>53.321.577.376</b>	<b>77.955.747.774</b>	<b>151.627.596.740</b>

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

### 3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

### 3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

## 4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

### Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.456.223.779	-	49.115.441.926	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22.700.000.000	-	5.700.000.000	-
Phải thu khách hàng	2.974.964.667	-	4.082.187.714	-
Các khoản phải thu khác	829.831.942	-	613.418.247	-
<b>Cộng</b>	<b>67.318.752.270</b>	<b>-</b>	<b>59.673.806.682</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Nợ phải trả tài chính*

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	1.620.124.653	2.099.265.559
Vay và nợ	137.942.522.322	144.607.719.494
Các khoản phải trả khác	6.277.775.662	4.920.611.687
<b>Cộng</b>	<b>145.840.422.637</b>	<b>151.627.596.740</b>


#### *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

  
Nguyễn Thị Xuân Tụ  
Người lập biểu

  
Trần Thị Lục Hà  
Kế toán trưởng

Phú Yên, ngày 18 tháng 7 năm 2017

  
  
Lê Xuân Triết  
Giám đốc

